

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHI LĂNG
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST
Ngày 06-02-2023
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHI LĂNG, TỈNH LẠNG SƠN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thế Khuynh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phùng Thị Thu;

Ông Nguyễn Văn Mật.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Xuân Phần – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Bà Âu Thu Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 50/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2022/QĐXX-ST ngày 20 tháng 12 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/QĐST-DS ngày 06/tháng 01 năm 2023; Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 46/TB-TA ngày 12 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nông Thị V, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn Cù Na, xã Quan Sơn, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn Nà Lìa, xã Hữu Kiên, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nông Thị V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị V và anh Hoàng Văn T kết hôn vào tháng 11 năm 2010 trên cơ sở tự nguyện, trước khi kết hôn có được tìm hiểu, sau đó được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán, đến ngày 29/12/2014 chị V và anh T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Hoàng Văn T không chịu

làm ăn lo toan gia đình, giúp đỡ vợ con chỉ ham chơi bời, rượu chè, cờ bạc, chị V có khuyên bảo nhiều lần anh T không nghe còn chửi bới, xúc phạm chị lại còn đánh chị nhiều lần. Do vậy đến cuối tháng 4 năm 2018 chị V đã phải bỏ về bên ngoại sinh sống từ đó cho đến nay vợ chồng sống ly thân, trong thời gian vợ chồng sống ly thân anh T cũng không hỏi han gì, tháng 4 năm 2019 chị V đã viết đơn xin ly hôn với anh T. Qua hòa giải tại Tòa án chị V đã rút đơn, cho anh T cơ hội về đoàn tụ nhưng anh T không thay đổi, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Nay chị Nông Thị V thấy tình cảm vợ chồng không còn xin được ly hôn với anh Hoàng Văn T.

Về con chung: Chị Nông Thị V và anh Hoàng Văn T có 02 con chung là cháu Hoàng Dương T, sinh ngày 28/7/2011 và cháu Hoàng Thảo N, sinh ngày 07/7/2017, Hiện nay cháu Hoàng Dương T đang sinh sống cùng bà nội tại tổ dân phố B, thị trấn T, huyện S, tỉnh Bắc Giang, cháu Hoàng Thảo N đang sống cùng chị V tại Thôn C, xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Khi ly hôn chị Nông Thị V yêu cầu được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Hoàng Thảo N và để anh T nuôi cháu Hoàng Dương T, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tiến hành tố tụng Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng đã nhiều lần triệu tập, thông báo có tổng đạt hợp lệ nhưng bị đơn anh Hoàng Văn T cố tình vắng mặt nên không có lời khai về ý kiến, yêu cầu của anh T đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại biên bản lấy lời khai con chung, ngày 14/10/2022, cháu Hoàng Dương T trình bày: Cháu là con của bố Hoàng Văn T và mẹ Nông Thị V, cháu đang học lớp 6 tại Trường Tiểu học và Trung học cơ sở T. Hiện nay cháu ở với bà nội tên là Nguyễn Thị Đ; địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn T, huyện S, tỉnh Bắc Giang. Nếu bố mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 30/11/2022 bà Vi Thị Hà là Trưởng thôn N, xã H, cho biết: Sau khi kết hôn hai vợ chồng chị V, anh T về chung sống tại thôn N, do anh T hay uống rượu dẫn đến hai vợ chồng xảy ra cãi nhau thường xuyên. Do vậy chị V đã bỏ về bên ngoại sinh sống từ năm 2020 đến nay, hai vợ chồng sống ly thân. Anh T hiện nay cũng không có mặt ở địa phương, thường xuyên đi lang thang nên thôn không thể giao giấy triệu tập của Tòa án cho anh T được.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng anh Hoàng Văn T không có mặt nên đã thông báo kết quả cho anh T được biết. Vụ án không tiến hành hòa giải được do anh T vắng mặt và chị V có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn không chấp hành các quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Nông Thị V ly hôn với anh Hoàng Văn T.

Về con chung: Giao con chung là cháu Hoàng Thảo N, sinh ngày 07/7/2017 cho chị Nông Thị V; giao cháu Hoàng Dương T, sinh ngày 28/7/2011 cho anh Hoàng Văn T, trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn anh, chị có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nông Thị V không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị Nông Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn chị Nông Thị V đã giao nộp chứng cứ cho Tòa án gồm: Giấy chứng nhận kết hôn, giấy tờ tùy thân, giấy khai sinh của con chung;

Tài liệu do Tòa án thu thập được gồm có các biên bản lấy lời khai đương sự, con chung, biên bản xác minh.

Tình tiết sự kiện không phải chứng minh: Có Đăng ký kết hôn.

Tình tiết sự kiện phải chứng minh: Về điều kiện kết hôn, quá trình chung sống, phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân. Về con chung, về tài sản chung, nợ chung. Về điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con chung của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Hoàng Văn T có hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, hiện nay bị đơn vẫn cư trú tại đây, do vậy Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nông Thị V có đơn xin xét xử vắng mặt phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn anh Hoàng Văn T đã được Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo, triệu tập nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt không chấp hành. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh Hoàng Văn T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Kiểm sát viên, nguyên đơn không có ý kiến gì về sự vắng mặt của bị đơn và yêu cầu phiên tòa được tiếp tục. Xét thấy, bị đơn thuộc trường hợp cố ý vắng mặt, sự vắng mặt của bị đơn không gây cản trở cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn

tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị V và anh Hoàng Văn T kết hôn vào tháng 11 năm 2010, trên cơ sở tự nguyện, đến ngày 29/12/2014 chị V và anh T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn nên cuộc hôn nhân này là hợp pháp. Tuy nhiên cuộc sống chung của vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do anh Hoàng Văn T không chịu làm ăn lo toan gia đình, giúp đỡ vợ con chỉ ham rượu chè, cờ bạc dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, anh T và chị V đã không còn sống chung từ năm 2018, việc này đã được thể hiện trong các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, phù hợp với lời trình bày của bà Vi Thị H Trưởng thôn N, xã H nơi vợ chồng sinh sống. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị Nông Thị V và anh Hoàng Văn T đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc anh Hoàng Văn T đã được thông báo về yêu cầu ly hôn của chị V nhưng cố tình không đến Tòa án để giải quyết thể hiện anh T không còn tình cảm, không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân với chị V nên chị Nông Thị V yêu cầu ly hôn với anh Hoàng Văn T là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Nông Thị V và anh Hoàng Văn T có 02 con chung là cháu Hoàng Dương T, sinh ngày 28/7/2011 và cháu Hoàng Thảo N, sinh ngày 07/7/2017. Khi ly hôn chị V yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là cháu Hoàng Thảo N và giao cháu Hoàng Dương T cho anh Hoàng Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, anh Hoàng Văn T biết việc chị Nông Thị V xin ly hôn, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình vắng mặt tại phiên tòa, thể hiện thái độ không quan tâm đến quan hệ vợ chồng, con chung nên không thể giao cả hai con cho anh T chăm sóc được, trong khi đó chị V có thu nhập ổn định, cháu Hoàng Thảo N đang sống cùng mẹ nên việc giao con chung là cháu Thảo Ngân cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là có căn cứ, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con. Cháu Hoàng Dương T có nguyện vọng được ở với mẹ nhưng hiện cháu đang ở với bà nội tại thị trấn T, nơi anh Hoàng Văn T thường xuyên có mặt nên giao cháu Tiến cho anh T nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp bởi vì chị V không đủ khả năng nuôi dưỡng cả hai con. Về cấp dưỡng nuôi con do chị V không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nông Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238; các Điều 266, 271; khoản 1 Điều 273; của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị V. Xử cho chị Nông Thị V ly hôn với anh Hoàng Văn T.

2. Về con chung:

2.1 Chị Nông Thị V được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Thảo N, sinh ngày 07/7/2017, từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

2.2 Anh Hoàng Văn T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Dương T, sinh ngày 28/7/2011, từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị Nông Thị V không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nông Thị V phải chịu 300.000đ, (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm để nộp ngân sách nhà nước. Xác nhận chị Nông Thị V đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0003139 ngày 13/10/2022.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn.
- VKSND huyện Chi Lăng.
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã H, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐẤ KÝ)

Hoàng Thế Khuynh